

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG**

Số: /20 /HĐTD-DN ngày

**▪ BÊN CẤP TÍN DỤNG:****Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh-PGD**

GCNĐKDN : ..... do Phòng Đăng ký Kinh doanh..... cấp ngày

Địa chỉ : .....

Điện thoại : .....; Fax: .....

Do ông, bà : .....; Chức vụ ..... làm đại diện.

Uỷ quyền : Số ..... ngày ...-...-201... của .....

(sau đây được gọi là OCB và OCB cũng được hiểu là Ngân hàng TMCP Phương Đông hoặc bất kỳ đơn vị nào trong hệ thống Ngân hàng TMCP Phương Đông).

**▪ BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG (sau đây được gọi là Bên vay):****Công ty** : .....

Mã số DN : ..... do Phòng Đăng ký Kinh doanh..... cấp ngày .....-.....-

Địa chỉ : .....

Điện thoại : .....; Fax: .....

Do ông, bà : .....; Chức vụ ..... làm đại diện.

Uỷ quyền : Số ..... ngày ...-...-201... của .....

Mã số DN: ..... do Phòng Đăng ký Kinh doanh ..... cấp ngày

Hai Bên đồng ý ký kết hợp đồng tín dụng này với những điều kiện và điều khoản cụ thể như sau:

**Điều 1. Hạn mức tín dụng**

1. Hạn mức tín dụng trong Hợp đồng này là tổng dư nợ và số dư các khoản cho vay ngắn hạn, chiết khấu, bao thanh toán, bảo lãnh, L/C tối đa mà OCB cấp cho Bên vay, được tính bằng đồng Việt Nam và/hoặc ngoại tệ quy đổi ra đồng Việt Nam là ..... , bao gồm:

- Cho vay ngắn hạn: .....
- Chiết khấu: .....
- Bao thanh toán: .....
- Bảo lãnh ngân hàng: .....
- Phát hành thư tín dụng - L/C: .....
- Và các hình thức khác theo quy định của pháp luật và của OCB.

2. Kế hoạch rút vốn: .....

3. Hạn mức tín dụng trên đã bao gồm dư nợ và số dư của các khoản cho vay ngắn hạn, chiết khấu, bao thanh toán, bảo lãnh, phát hành L/C mà OCB đã cấp cho Bên vay tính đến thời điểm ký Hợp đồng này .

4. Trường hợp OCB cấp các khoản tín dụng khác cho Bên vay ngoài Hợp đồng này, thì việc có khấu trừ hay không khấu trừ các khoản tín dụng khác vào Hạn mức tín dụng tại khoản 1, Điều này do OCB quyết định.

## **Điều 2. Thời hạn cấp và duy trì Hạn mức tín dụng**

1. Thời hạn cấp tín dụng đối với mỗi khoản tín dụng được xác định theo từng khế ước nhận nợ, hợp đồng chiết khấu, thư bảo lãnh, L/C hoặc theo thỏa thuận khác của các Bên.
2. Riêng thời hạn cho vay không vượt quá ..... tháng.
3. OCB có quyền yêu cầu Bên vay hoàn trả nợ gốc và lãi trước hạn tại bất kỳ thời điểm nào theo quy định tại Hợp đồng này.
4. Thời hạn duy trì Hạn mức tín dụng là ..... tháng kể từ ngày .../.../...

## **Điều 3. Mục đích cấp tín dụng**

1. Mục đích cấp tín dụng theo Hợp đồng này gồm:
  - a) .....
  - b) .....
2. Bên vay hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng tiền vay và các khoản tín dụng khác vào mục đích hợp pháp, đúng với thỏa thuận của hai Bên. Nếu Bên vay sử dụng sai mục đích, thì phải thực hiện các biện pháp khắc phục theo yêu cầu của OCB, trường hợp không thực hiện được theo đúng yêu cầu, thì OCB có quyền ngừng cấp tín dụng và Bên vay có nghĩa vụ trả nợ trước hạn.

## **Điều 4. Lãi suất cấp tín dụng**

1. Lãi suất đối với các khoản vay:
  - a) Lãi suất vay: ;
  - b) Lãi suất cụ thể đối với mỗi lần giải ngân được thỏa thuận trong từng khế ước nhận nợ.
2. Lãi suất đối với các hình thức cấp tín dụng khác: Theo quy định tại từng hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.
3. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.
4. Phương thức tính lãi: Tính lãi theo ngày, trên cơ sở một năm có 365 ngày.

## **Điều 5. Phí các loại**

1. Các khoản phí liên quan đến việc cấp tín dụng bao gồm: các loại phí theo Hợp đồng này và/hoặc theo quy định của OCB trong từng thời kỳ phù hợp với quy định pháp luật, bao gồm:
  - a) Phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng: ..... %/ năm;
  - b) Phí cam kết rút vốn: .....%/ năm;
  - c) Các khoản phí khác: .....%/ năm (nếu có).
2. Các khoản phí nêu tại khoản 1, Điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) và các mức phí trên có thể thay đổi theo quy định của OCB trong từng thời kỳ.
3. Bên vay có trách nhiệm thanh toán cho OCB các khoản phí theo yêu cầu của OCB; nếu Bên vay không thanh toán đúng hạn, thì phải chịu phạt chậm trả với lãi suất bằng 150% lãi suất vay theo khoản 1, Điều 4 tính trên số phí chậm trả.

## **Điều 6. Giải ngân và cấp tín dụng**

1. OCB chỉ giải ngân và cấp tín dụng khi Bên vay đáp ứng đủ các điều kiện sau:
  - a) Đề nghị giải ngân, cấp tín dụng trong thời hạn duy trì Hạn mức tín dụng theo Hợp đồng này;

- b) Hoàn tất hồ sơ đề nghị giải ngân, cấp tín dụng, thực hiện các biện pháp bảo đảm, mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm và tài sản khác của Bên vay theo quy định của OCB, trừ trường hợp được OCB đồng ý bằng văn bản;
  - c) Báo trước cho OCB ít nhất ..... ngày làm việc tính đến ngày dự định cấp tín dụng và kèm theo giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn;
  - d) Ký khế ước nhận nợ và chứng từ khác liên quan đến việc giải ngân, cấp tín dụng;
  - e) .....
2. Bên vay được vay vốn, cấp tín dụng nhiều lần trong thời hạn duy trì hạn mức, nhưng phải bảo đảm dư nợ và số dư cấp tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá hạn mức tín dụng theo Điều 1 của Hợp đồng này; đồng thời không vượt quá giới hạn cấp tín dụng theo quy định của Pháp luật.
3. Phương thức giải ngân: Bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt theo quy định của OCB phù hợp với quy định của Pháp luật.

## **Điều 7. Bảo đảm cấp tín dụng**

1. Tài sản bảo đảm:

**[Nhập thông tin tài sản]**

Giá trị tài sản bảo đảm:

- 2. Các hợp đồng bảo đảm mà Bên vay cũng như bên thứ ba đã ký hoặc sẽ ký với OCB cũng được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của Hợp đồng này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
- 3. OCB có quyền lựa chọn bất kỳ biện pháp bảo đảm nào và bất kỳ tài sản bảo đảm nào để bảo đảm cho mỗi lần cấp tín dụng cũng như để xử lý tài sản nhằm thu hồi nợ (không phân biệt giá trị tài sản, thời gian đưa vào bảo đảm và thời gian đến hạn trả nợ).
- 4. Nội dung cụ thể về các biện pháp bảo đảm được thực hiện theo thỏa thuận tại các hợp đồng bảo đảm. Việc thay đổi một hoặc một số biện pháp cũng như tài sản bảo đảm nêu tại Điều này không làm ảnh hưởng đến hiệu lực và giá trị của biện pháp và tài sản bảo đảm khác.

## **Điều 8. Trả nợ gốc, lãi và phí**

- 1. Trả nợ gốc: Thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, khế ước nhận nợ, lịch trả nợ và các văn bản, thỏa thuận khác giữa hai Bên.
- 2. **Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm có 365 ngày.** Số tiền lãi phải trả = (Số dư nợ thực tế tính lãi) x (Số ngày thực tế của kỳ tính lãi) x (Lãi suất (%/năm)) : 365.
- 3. Nếu chậm trả lãi, Bên vay phải thanh toán cho Bên cho vay Tiền lãi chậm trả = (Số tiền lãi chậm trả) x (Số ngày chậm trả lãi) x 10%/năm : 365.
- 4. Trả lãi vay: Trả lãi định kỳ ..... tháng một lần, vào ngày ..... hàng tháng.. Ngày trả lãi cuối cùng là ngày Bên vay thanh toán hết nợ gốc.
- 5. Thanh toán phí: Thực hiện theo thỏa thuận tại từng loại hình giao dịch.
- 6. Trường hợp Bên vay không trả nợ đầy đủ, đúng hạn hoặc vi phạm các thỏa thuận khác với OCB thì OCB được thực hiện các việc sau:
  - a) Tự động trích tiền từ bất kỳ tài khoản nào của Bên vay tại OCB và tại các tổ chức tín dụng khác để thu nợ. Nội dung này đồng thời có giá trị là một văn bản ủy quyền không huỷ ngang của Bên vay cho OCB; theo đó OCB được yêu cầu (lập lệnh chi, ủy nhiệm chi) các tổ chức tín dụng khác để trích tiền gửi từ tài khoản của Bên vay tại tổ chức tín dụng đó về tài khoản tiền gửi của Bên vay tại OCB để thu nợ;
  - b) Xử lý tài sản bảo đảm và áp dụng mọi biện pháp cần thiết để thu hồi nợ (gồm nợ gốc, lãi, phí và các chi phí phát sinh) vào bất kỳ thời điểm nào.
- 7. Trường hợp ngày đáo hạn là ngày nghỉ, thì ngày làm việc tiếp theo là ngày đến hạn trả nợ và số tiền lãi vẫn được tính cho đến hết ngày thực tế trả nợ.

8. OCB được quyền quyết định thứ tự thu các khoản nợ sau: Phí, tiền phạt, nợ lãi quá hạn, nợ gốc quá hạn, nợ lãi trong hạn, nợ gốc trong hạn, các khoản phải trả khác trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
9. Đồng tiền trả nợ là đồng tiền đã được cấp tín dụng, trừ trường hợp OCB chấp thuận cho trả nợ bằng loại tiền khác phù hợp với quy định pháp luật, thì tỷ giá quy đổi do OCB xác định vào thời điểm thu nợ.

### **Điều 9. Trả nợ trước hạn**

1. Bên vay chỉ được trả nợ trước hạn sau khi đã thông báo cho OCB và ghi rõ nội dung trả nợ trước hạn trong uỷ nhiệm chi, lệnh chuyển tiền hoặc chứng từ khác và phải thanh toán phí trả nợ trước hạn (nếu có) theo thoả thuận tại Điều 5 của Hợp đồng này.
2. Bên vay chỉ được trả nợ trước hạn từ ngày làm việc tiếp theo của ngày giải ngân khoản cấp tín dụng.
3. Bên vay phải trả nợ trước hạn khi phát sinh một hoặc một số sự kiện sau:
  - a) Bên vay cung cấp thông tin không kịp thời hoặc sai sự thật;
  - b) Bên vay sử dụng khoản tín dụng sai mục đích đã thỏa thuận;
  - c) Bên vay có thay đổi về hoạt động hoặc/và tổ chức (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, cổ phần hóa, thay đổi chủ sở hữu...) và/hoặc có thay đổi về cổ đông có quyền biểu quyết hoặc/và nhân sự chủ chốt (Người đại diện theo pháp luật, người điều hành...) có thể làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh và khả năng trả nợ của Bên vay mà không được OCB chấp thuận bằng văn bản hoặc không thực hiện đúng theo yêu cầu của OCB;
  - d) Người đại diện theo pháp luật, người điều hành của Bên vay và/hoặc Bên bảo đảm bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;
  - e) Thay đổi về tỷ giá ngoại tệ/giá mua bán vàng dẫn đến việc số tiền vay/cấp tín dụng vượt quá giá trị tài sản bảo đảm/giá trị nghĩa vụ được bảo đảm nếu loại tiền vay khác với loại tiền được dùng để xác định giá trị tài sản bảo đảm/giá trị nghĩa vụ được bảo đảm;
  - f) Bên vay bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy phép kinh doanh, Giấy phép thành lập, hoạt động); đang tiến hành thủ tục phá sản, giải thể; ngừng hoạt động hoặc không còn khả năng thanh toán nợ đến hạn;
  - g) Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng này;
  - h) Bên vay có khoản tín dụng tại OCB bị chuyển sang nợ xấu;
  - i) Một phần hoặc toàn bộ tài sản bảo đảm bị xử lý theo hợp đồng bảo đảm; bị thu hồi, giải tỏa, phong tỏa theo quy định của Pháp luật; bị mất, hư hỏng hoặc giảm sút giá trị hay giá trị tài sản không đủ để bảo đảm cho nghĩa vụ của Bên vay theo Hợp đồng này mà Bên vay không bổ sung, thay thế biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của OCB;
  - j) Bên bảo lãnh cho Bên vay từ chối hoặc không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo đánh giá của OCB;
  - k) Bên vay vi phạm bất kỳ thoả thuận nào trong Hợp đồng này và các văn bản, thoả thuận, cam kết liên quan khác với OCB mà không khắc phục được trong thời hạn do OCB yêu cầu;
  - l) Theo yêu cầu của OCB tại bất kỳ thời điểm nào, khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng tới khả năng trả nợ của của Bên vay, ảnh hưởng đến tài sản bảo đảm hoặc ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản của hệ thống Ngân hàng, theo đánh giá của OCB mà không cần phải chứng minh với Bên vay và/hoặc Bên bảo đảm.

### **Điều 10. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ**

1. Đến hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi, nếu Bên vay chưa có khả năng trả nợ, thì phải gửi Giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho OCB. Thời hạn gửi đề nghị chậm nhất là 07 ngày

làm việc trước mỗi kỳ hạn trả nợ. Giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải nêu rõ lý do đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ trong đó nêu rõ khả năng, thời hạn, nguồn trả nợ và kèm theo các hồ sơ, tài liệu chứng minh.

2. OCB xem xét, đánh giá phương án trả nợ của Bên vay và các yếu tố khác mà OCB cho là cần thiết để quyết định:
  - a) Đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Bên vay và ký văn bản để xác định lịch trả nợ mới; hoặc
  - b) Không đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Trong trường hợp này, Bên vay phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã cam kết.

### **Điều 11. Chuyển nợ quá hạn**

Đối với số dư nợ gốc đến hạn (bao gồm cả trường hợp thu hồi nợ trước hạn) được chuyển sang nợ quá hạn vào ngày liền sau ngày phát sinh một hoặc một số sự kiện dưới đây với lãi suất áp dụng là lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn:

1. Bên vay không thanh toán các khoản nợ gốc theo đúng thời hạn đã thoả thuận và không được OCB chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ;
2. Bên vay không thanh toán số nợ gốc, lãi, phí theo đúng thời hạn được OCB yêu cầu, trong trường hợp Bên vay phải trả nợ trước hạn.

### **Điều 12. Cung cấp thông tin và kiểm tra tín dụng**

1. Bên vay có trách nhiệm cung cấp thông tin cho OCB trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng này như sau:
  - a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình tổ chức, hoạt động, tài chính, tài sản của Bên vay theo quy định của pháp luật và/hoặc theo yêu cầu của OCB; đồng thời hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp cho OCB;
  - b) Gửi cho OCB các báo cáo sau:
    - Báo cáo tài chính nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc báo cáo tài chính đã kiểm toán đối với trường hợp khách hàng phải lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật; báo cáo tài chính theo hướng dẫn của OCB. Báo cáo phải được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ lập báo cáo;
    - Báo cáo giữa năm và hằng năm về tình hình sản xuất, kinh doanh;
    - Báo cáo khác liên quan đến việc sử dụng các khoản tín dụng theo phương án sử dụng vốn đã cung cấp cho OCB.
  - c) Thông báo cho OCB trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi phát sinh các sự kiện sau:
    - Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật, thay đổi cổ đông, thành viên hợp danh, thành viên góp vốn từ 5% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp và gửi kèm theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc chứng từ thể hiện nội dung thay đổi nêu trên;
    - Thay đổi mục đích, quy mô của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được cấp tín dụng;
    - Tài sản bảo đảm không còn hoặc không còn đủ giá trị bảo đảm cho khoản tín dụng;
    - Có nguy cơ mất khả năng thanh toán hoặc phát sinh các sự kiện khác ảnh hưởng đến tình hình tài chính, tài sản và khả năng trả nợ của Bên vay.
2. OCB có quyền định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay, trả nợ, tình hình sản xuất, kinh doanh của Bên vay và các vấn đề khác có liên quan đến các khoản cấp tín dụng. Bên vay có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để OCB thực hiện việc kiểm tra, giám sát này.

3. OCB có quyền cung cấp thông tin cho Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Quyền và nghĩa vụ OCB**

1. OCB có các quyền sau:

- a) Mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm (đối với các tài sản phải mua bảo hiểm theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo đảm) và tính vào số tiền nợ của Bên vay đối với OCB, trong trường hợp Bên vay và hoặc bên thứ ba chậm hoặc không mua bảo hiểm theo yêu cầu của OCB;
- b) Ngừng giải ngân và/hoặc chấm dứt cấp tín dụng cho Bên vay khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
  - Bên vay phải trả nợ trước hạn cho OCB theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;
  - Bên vay thuộc đối tượng không được cấp tín dụng theo quy định của OCB;
  - Bên vay vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào với OCB.
- c) Chuyển giao hoặc chuyển nhượng quyền đòi nợ và các quyền khác phát sinh từ Hợp đồng này cho bên thứ ba mà không cần phải có sự chấp thuận của Bên vay;
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. OCB có nghĩa vụ sau:

- a) Cấp tín dụng cho Bên vay khi Bên vay thực hiện đúng các điều kiện đã thỏa thuận tại Hợp đồng này;
- b) Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của Pháp luật.

### **Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay**

1. Bên vay có các quyền sau:

- a) Được cấp tín dụng theo các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng này;
- b) Trả nợ trước hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;
- c) Từ chối các yêu cầu của OCB, nếu các yêu cầu đó không đúng với thỏa thuận trong Hợp đồng này.

2. Bên vay có các nghĩa vụ sau:

- a) Sử dụng tiền vay và các khoản tín dụng khác đúng mục đích đã thỏa thuận tại Hợp đồng này; Báo cáo và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn theo quy định của pháp luật và/hoặc theo yêu cầu của OCB;
- b) Trả đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ (nợ gốc, lãi, phí, khoản phạt, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác liên quan) theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;
- c) Thực hiện trả nợ trước hạn đối với một phần hoặc toàn bộ dư nợ theo yêu cầu của OCB nếu phát sinh các trường hợp phải trả nợ trước hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng này và các thỏa thuận cụ thể khác giữa hai Bên. Thông báo và phải được OCB đồng ý bằng văn bản trước khi tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp);
- d) Ký văn bản thỏa thuận xử lý nợ với OCB trước khi thực hiện việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp; giải thể, phá sản doanh nghiệp; đồng thời phải thực hiện các thay đổi đó theo đúng điều kiện, thủ tục do OCB yêu cầu;
- e) Mua bảo hiểm đối với tài sản bảo đảm theo yêu cầu của OCB và chuyển toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm cho OCB; mua bảo hiểm tài sản khác của Bên vay theo yêu cầu của OCB;
- f) Giao tài sản bảo đảm và phối hợp với OCB để xử lý tài sản bảo đảm hoặc thực hiện các biện pháp khác để thu hồi nợ đến hạn;
- g) Chấp nhận toàn bộ các điều kiện về nghĩa vụ của Bên vay đối với người được OCB chuyển nhượng quyền thụ hưởng hợp đồng tín dụng (bán nợ);

h) Có các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 15. Thỏa thuận khác**

1. Trường hợp sau 03 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng này mà Bên vay không sử dụng khoản tín dụng đã cấp thì Hợp đồng tín dụng này có thể bị chấm dứt hoặc tiếp tục thực hiện sẽ do OCB xem xét quyết định.
2. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo Pháp luật Việt Nam.
3. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết bởi Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.
4. Trường hợp OCB khởi kiện Bên vay để giải quyết tranh chấp, các Bên thống nhất rằng địa chỉ của Bên vay là địa chỉ nêu tại Hợp đồng này. Nếu Bên vay thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho OCB bằng văn bản, thì được hiểu là Bên vay cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và OCB có quyền yêu cầu cơ quan giải quyết tranh chấp thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bên vay chấp nhận việc cơ quan giải quyết tranh chấp xét xử vắng mặt Bên vay, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Bên vay.
5. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại  
Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ, cam kết theo thỏa thuận tại Hợp đồng này thì phải chịu phạt vi phạm 08% giá trị Hợp đồng này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 5 Hợp đồng này và bồi thường toàn bộ thiệt hại do Bên vay gây ra cho OCB theo quy định của pháp luật.
6. Bên thua kiện có nghĩa vụ thanh toán mọi chi phí liên quan đến vụ án, bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản án phí, lệ phí, chi phí tố tụng, bao gồm cả phí thuê luật sư, toàn bộ phí thi hành án và các khoản chi phí liên quan khác mà Bên kia phải bỏ ra để giải quyết vụ án.
7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng mọi điều khoản của Hợp đồng này. Các tài liệu liên quan đến Hợp đồng này như: Giấy đề nghị vay vốn, giấy đề nghị phát hành thư tín dụng, giấy cam kết sử dụng vốn vay, hợp đồng bảo đảm, khế ước nhận nợ, thông báo điều chỉnh lãi suất, cơ cấu lại thời hạn trả nợ và các tài liệu liên quan khác là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.
8. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên vay hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, các nghĩa vụ khác cho OCB theo quy định của hợp đồng này và các cam kết, thỏa thuận mà Bên vay đã ký với OCB.
9. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Hợp đồng này, được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
10. Hợp đồng này được lập thành 4 bản, mỗi bên giữ 2 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN OCB**

**ĐẠI DIỆN BÊN VAY**